

CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

TECHCOMCAPITAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 11 tháng 03 năm 2024

Số: 021103/24/CV-TCC

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương  
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 28, Tòa C5, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3944 6368  
Fax: (024) 3944 6583  
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phí Tuấn Thành  
Địa chỉ: Tầng 28, Tòa C5, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 3944 6368  
Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương công bố Báo cáo tài chính kiểm toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Có báo cáo đính kèm).

Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 giảm hơn 45 tỷ đồng ( tương đương giảm gần 32%) so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu hoạt động giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 11/03/2024 tại đường dẫn: <http://techcomcapital.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu Công ty



Người công bố thông tin

Phí Tuấn Thành

# **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 32

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 01 năm 2019. Giấy phép điều chỉnh của Công ty sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu được trình bày trong bảng dưới đây:

<u>Giấy phép điều chỉnh số</u>	<u>Ngày ban hành</u>
Giấy phép điều chỉnh số 114/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh vốn điều lệ lên 669.662.910.000 đồng	Ngày 18 tháng 11 năm 2022
Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Xuân Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 6 tháng 9 năm 2022

Công ty được sở hữu 88,99956% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 28, Tòa C5, Số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Phí Tuấn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2023
Ông Đặng Lưu Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Darren Neale Buckley	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Tái bổ nhiệm</u>
Ông Đặng Văn Khải	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Bà Hoàng Thị Kim Cúc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Phí Tuấn Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 3 năm 2023
Ông Đặng Lưu Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023
Bà Bùi Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hợp tác đối tác	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2022

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Xuân Minh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị căn cứ theo Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ngày 6 tháng 9 năm 2022.

Ông Phí Tuấn Thành được ủy quyền ký kết các giấy tờ và tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Công ty, trong đó có báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo giấy ủy quyền 020703/23/UQ-CTHĐQT-TCC ngày 7 tháng 3 năm 2023.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11850497/E-66978762

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ sở hữu  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty”), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội**



Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Trần Thị Thu Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>926.243.795</b>	<b>835.794.911</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>7.614.804</b>	<b>151.284.468</b>
111	1. Tiền		7.614.804	6.284.468
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	145.000.000
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>		-	145.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.2</b>	<b>897.013.066</b>	<b>660.026.784</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2.1	897.013.066	682.889.010
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	V.2.1	-	(22.862.226)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>21.564.356</b>	<b>24.474.369</b>
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	15.000	15.000
	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn		7.427	-
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	V.3	3.762.214	12.187.044
135	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	17.779.715	12.272.325
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>51.569</b>	<b>9.290</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		51.569	9.290
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>148.677</b>	<b>406.108</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>V.5</b>	<b>30.144</b>	<b>-</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		30.144	-
222	<i>Nguyên giá</i>		36.173	-
223	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(6.029)	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.5	-	-
228	<i>Nguyên giá</i>		140.000	140.000
229	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(140.000)	(140.000)
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>118.533</b>	<b>406.108</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6	118.533	406.108
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>926.392.472</b>	<b>836.201.019</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>17.989.129</b>	<b>24.398.766</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>17.989.129</b>	<b>24.398.766</b>
312	1. Phải trả người bán	V.7	1.772.081	7.249.288
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.8	4.214.670	5.999.882
	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả</i>		<i>3.484.484</i>	<i>4.786.566</i>
315	3. Phải trả người lao động	V.9	11.638.624	10.813.903
316	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		248.616	292.789
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.10	115.138	42.904
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>908.403.343</b>	<b>811.802.253</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VII.2	669.662.910	669.662.910
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp		-	-
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VII.1	238.740.433	142.139.343
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>926.392.472</b>	<b>836.201.019</b>

T.Y  
 AN  
 QU  
 JN  
 T.P

BR

TA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
006	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ		923.779.000	690.107.000
007	1.1. Chứng khoán giao dịch		923.779.000	690.107.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	V.11	14.519.968	5.694.008
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư Ủy thác trong nước		14.519.968	5.694.008
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	V.12	103.382.557	42.263.188
041	4.1. Nhà đầu tư Ủy thác trong nước		103.382.557	42.263.188
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		2.186.572	-
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		21.366	-

Người lập:

Bà Trần Thị Lan  
 Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng  
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phí Tuấn Thành  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND'000	Năm 2022 VND'000
01	1. Doanh thu	VI.1	97.282.840	307.705.786
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		97.282.840	307.705.786
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	VI.2	(53.533.935)	(132.663.031)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		43.748.905	175.042.755
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	89.969.117	69.756.037
22	7. Doanh thu/(Chi phí) tài chính	VI.4	22.862.226	(31.176.208)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	(35.683.916)	(36.166.300)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		120.896.332	177.456.284
31	10. Thu nhập khác		3.982	-
32	11. Chi phí khác		(88.081)	(53.218)
40	12. Lợi nhuận khác		(84.099)	(53.218)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	VI.6	120.812.233	177.403.066
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.6	(24.211.143)	(35.572.704)
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		96.601.090	141.830.362

Người lập:



Bà Trần Thị Lan  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND'000	Năm 2022 VND'000
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		192.994.398	397.974.901
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(60.125.065)	(142.773.022)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(25.116.728)	(24.985.513)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	VI.6	(25.513.225)	(44.842.336)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.138.896	177.561.788
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.438.351)	(42.914.812)
<b>20</b>	<b>Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>71.939.927</b>	<b>320.021.006</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(479.131.769)	(1.387.351.212)
24	2. Tiền thu từ bán các công cụ nợ của đơn vị khác		263.522.178	1.214.473.037
<b>30</b>	<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(215.609.591)</b>	<b>(172.878.175)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(143.669.664)</b>	<b>147.142.831</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>V.1</b>	<b>151.284.468</b>	<b>4.141.637</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>V.1</b>	<b>7.614.804</b>	<b>151.284.468</b>

Người lập:




Bà Trần Thị Lan  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND'000

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm						Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022	Ngày 1 tháng 1 năm 2023	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VII.2	44.943.820 4.494.382	669.662.910	624.719.090	- (4.494.382)	-	-	669.662.910	669.662.910		
2. Quỹ dự phòng tài chính			-	-				-	-		
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.494.382	-	-	(4.494.382)			-	-		
4. Lợi nhuận chưa phân phối	VII.1	616.039.307	142.139.343	141.830.362	(615.730.326)	96.601.090		142.139.343	238.740.433		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>669.971.891</b>	<b>811.802.253</b>	<b>766.549.452</b>	<b>(624.719.090)</b>	<b>96.601.090</b>		<b>811.802.253</b>	<b>908.403.343</b>		

Người lập:

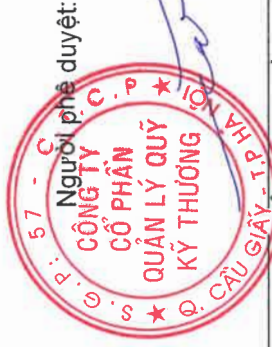


Bà Trần Thị Lan  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:

Ông Phi Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019. Giấy phép điều chỉnh của Công ty sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu được trình bày trong bảng dưới đây:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Ngày ban hành</i>
▶ Giấy phép điều chỉnh số 114/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh vốn điều lệ lên 669.662.910.000 đồng	Ngày 18 tháng 11 năm 2022
▶ Giấy phép điều chỉnh số 89/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Xuân Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 6 tháng 9 năm 2022

Công ty được sở hữu 88,99956% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang quản lý bảy (7) quỹ, cụ thể là Quỹ Đầu tư Bất động sản Techcom Việt Nam, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom, Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom, Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Bất động sản Techcom, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom, và Quỹ Đầu tư Cổ phiếu doanh nghiệp vừa và nhỏ Techcom.

Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 28, Tòa C5, Số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

**Vốn Điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 669.662.910.000 VND (31 tháng 12 năm 2022: 669.662.910.000 VND).

**Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 37 người, trong đó có 14 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 32 người, trong đó có 11 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ).

Danh sách nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Số giấy phép</i>	<i>Ngày cấp</i>
1	Phí Tuấn Thành	000135/QLQ	Ngày 15 tháng 4 năm 2009
2	Phan Linh Chi	000368/QLQ	Ngày 13 tháng 7 năm 2009
3	Đồng Thị Khánh Ngọc	000794/QLQ	Ngày 14 tháng 11 năm 2011
4	Đặng Hoàng Tùng	000811/QLQ	Ngày 12 tháng 8 năm 2011
5	Phan Thị Thu Hằng	001165/QLQ	Ngày 30 tháng 10 năm 2014
6	Lê Giáp Hoàng Anh	001808/QLQ	Ngày 18 tháng 7 năm 2019
7	Phạm Thị Thúy Nga	001804/QLQ	Ngày 5 tháng 7 năm 2019
8	Vương Duy Anh	001958/QLQ	Ngày 18 tháng 11 năm 2020
9	Lê Thị Thu Hương	001701/QLQ	Ngày 28 tháng 8 năm 2018
10	Lê Quang Hưng	002068/QLQ	Ngày 2 tháng 3 năm 2023
11	Nguyễn Hữu Tài	002073/QLQ	Ngày 10 tháng 3 năm 2023
12	Lê Hồng Phương	001967/QLQ	Ngày 27 tháng 11 năm 2020
13	Lê Tấn Phát	001821/QLQ	Ngày 6 tháng 8 năm 2019
14	Vũ Thanh Hằng	002065/QLQ	Ngày 1 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## II. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### II.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### II.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND") và được làm tròn đến hàng nghìn đồng Việt Nam ("VND'000") cho mục đích trình bày báo cáo tài chính.

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### III.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### III.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### III.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**III.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng**

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về tính chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**IV.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**IV.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**IV.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 24/2022/TT-BTC (“Thông tư 24”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**IV.4 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

*Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn*

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Trong các năm kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ, trừ đi dự phòng giảm giá nếu có.

Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng đầu tư chứng khoán*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày lập báo cáo tài chính.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Trong trường hợp các nguồn thông tin đáng tin cậy như trên không có sẵn trên thị trường, các chứng khoán này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá trị tài sản ròng của đơn vị chứng chỉ quỹ theo báo cáo tài sản ròng của quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư 48 và Thông tư 24. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**IV.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**IV.6 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

**IV.7 Trợ cấp thôi việc phải trả**

*Trợ cấp thôi việc:* Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

*Trợ cấp mất việc làm:* Theo Điều 47 Bộ Luật Lao động 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu do thay đổi về công nghệ hoặc vì lý do kinh tế. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

*Trợ cấp thất nghiệp:* Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

**IV.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**IV.9 Phân chia lợi nhuận và các quỹ**

Từ năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Phân phối hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Việc phân chia lợi nhuận còn lại phải được Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 để bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty quản lý quỹ trong đó nêu:

- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

**IV.10 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác**

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG  
 18  
 CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG  
 HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**IV.11 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

***Phí quản lý và tư vấn***

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của các hợp đồng quản lý đầu tư và tư vấn.

***Tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**IV.12 Thuê hoạt động**

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

**IV.13 Thuế**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**IV.13 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000</i>
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.614.804	6.284.468
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	145.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	60.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	-	30.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	20.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	20.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình	-	15.000.000
	<b>7.614.804</b>	<b>151.284.468</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**V.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

**V.2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng	Giá trị VND'000	Số lượng	Giá trị VND'000
Chứng khoán kinh doanh	9.237.790	897.013.066	6.901.070	682.889.010
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup (i)	2.604.990	238.861.716	1.585.000	145.162.198
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (ii)	1.407.800	143.504.776	1.887.800	193.564.741
- Trái phiếu phát hành bởi công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	1.915.000	192.131.313	1.300.000	130.234.409
- Trái phiếu phát hành bởi công ty cổ phần Masan Meatlife (iv)	1.390.000	138.733.458	1.090.000	108.771.983
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty cổ phần Vincom Retail (v)	1.700.000	161.743.150	-	-
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa (vi)	220.000	22.038.653	-	-
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Tài nguyên Masan	-	-	1.038.270	105.155.679
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-	(22.862.226)
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup	-	-	-	(291.915)
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	-	-	(15.603.262)
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty TNHH Saigon Glory	-	-	-	(6.862.094)
- Trái phiếu phát hành bởi công ty cổ phần Masan Meatlife	-	-	-	(104.955)
	<b>9.237.790</b>	<b>897.013.066</b>	<b>6.901.070</b>	<b>660.026.784</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**V.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)**

**V.2.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)**

- (i) Trái phiếu phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2021 có kỳ hạn 3 năm; lãi suất cố định cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên: 9,7%/năm; và lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi sau 4 kỳ tính lãi đầu tiên được tính bằng tổng của 3,7%/năm và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (áp dụng tại Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (áp dụng tại Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (áp dụng tại Chi nhánh Thành phố Hà Nội) và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (áp dụng tại Sở Giao dịch hoặc Chi nhánh đặt tại Hội sở Chính) công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan; lãi trả 3 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (ii) Trái phiếu phát hành ngày 11 tháng 1 năm 2021 có kỳ hạn 3 năm; lãi suất cố định cho 4 kỳ lãi đầu tiên: 9,8%/năm; và lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi sau 4 kỳ tính lãi đầu tiên được tính bằng tổng của 3,8%/năm và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan; lãi trả 6 tháng/1 lần; gốc trả cuối kỳ.
- (iii) Trái phiếu phát hành ngày 28 tháng 12 năm 2020, có kỳ hạn 3,5 năm; lãi suất của 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,3%/năm; và lãi suất mỗi kỳ lãi sau 4 kỳ đầu tiên là lãi suất thả nổi bằng tổng của 4,025%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi; trả lãi 3 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (iv) Trái phiếu phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2021, có kỳ hạn 5 năm; lãi suất của 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 9,5%/năm; và lãi suất của mỗi kỳ lãi sau 2 kỳ đầu tiên là lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiết kiệm cá nhân bằng Đồng có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày xác định lãi suất có liên quan; trả lãi 6 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (v) Trái phiếu phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2020, có kỳ hạn 5 năm; lãi suất của 4 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi và bằng tổng của 3,5%/năm và lãi suất tham chiếu. Trong đó, lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
- (vi) Trái phiếu phát hành ngày 26 tháng 1 năm 2021, có kỳ hạn 3 năm; Lãi suất cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,0%/năm; và lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi còn lại bằng tổng của 3,875%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**V.3 Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	3.698.327	12.159.726
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	63.887	27.318
	<b>3.762.214</b>	<b>12.187.044</b>

**V.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, phải thu nội bộ ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.000	15.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	7.427	-
Phải thu ngắn hạn khác	17.779.715	12.272.325
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	84.384
- Phải thu lãi trái phiếu đầu tư	17.739.105	12.177.270
- Phải thu khác	40.610	10.671
	<b>17.802.142</b>	<b>12.287.325</b>

**V.5 Tài sản cố định**

	Phần mềm VND'000	Máy tính VND'000
<b>Nguyên giá</b>		
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	140.000	-
Tăng trong kỳ	-	36.173
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	140.000	36.173
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	140.000	-
Tăng trong kỳ	-	6.029
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	140.000	6.029
<b>Giá trị còn lại</b>		
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	30.144

**V.6 Chi phí trả trước dài hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
Công cụ dụng cụ	69.233	23.408
Khác	49.300	382.700
	<b>118.533</b>	<b>406.108</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**V.7 Phải trả người bán**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	1.772.081	7.249.288
- Phải trả phí hoa hồng phân phối chứng chỉ Quỹ	1.772.081	7.249.288
	<b>1.772.081</b>	<b>7.249.288</b>

**V.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000	Số phát sinh trong năm VND'000	Điều chỉnh trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.786.566	24.006.738	204.404	(25.513.224)	<b>3.484.484</b>
Thuế thu nhập cá nhân	1.213.316	12.908.034	2.377.009	(15.768.173)	<b>730.186</b>
Các loại thuế khác	-	3.398	-	(3.398)	-
	<b>5.999.882</b>	<b>36.918.170</b>	<b>2.581.413</b>	<b>(41.284.795)</b>	<b>4.214.670</b>

**V.9 Phải trả người lao động**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
Phải trả công nhân viên	1.176.060	938.557
Phải trả lương tháng 13 và thưởng hoàn thành công việc	10.462.564	9.875.346
	<b>11.638.624</b>	<b>10.813.903</b>

**V.10 Phải trả ngắn hạn khác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
Kinh phí công đoàn	39.289	27.003
BHXH, BHYT và Bảo hiểm thất nghiệp	620	4.139
Khác	75.229	11.762
	<b>115.138</b>	<b>42.904</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**V.11 Tiền gửi nhà đầu tư ủy thác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
Số dư đầu năm	5.694.008	-
Số tăng trong năm	132.621.506	102.656.870
Số giảm trong năm	123.795.546	96.962.862
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.519.968</b>	<b>5.694.008</b>

**V.12 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
Tiền gửi có kỳ hạn	41.140.000	6.817.000
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	41.140.000	6.817.000
Trái phiếu niêm yết	18.329.608	8.149.634
Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá:		
KBCH2123002	-	81.457
TD1833122	Không bị giảm giá	4.322.028
VIC121003	Không bị giảm giá	809.296
VND122014	5.777.590	2.079.644
Cổ phiếu niêm yết	43.912.950	27.296.554
Trong đó, các mã cổ phiếu niêm yết bị giảm giá:		
BVH	Không bị giảm giá	1.781.053
DXG	1.686.201	-
FPT	Không bị giảm giá	1.586.176
GAS	1.738.280	785.010
GVR	Không bị giảm giá	140.805
HDB	Không bị giảm giá	23.239
HPG	Không bị giảm giá	1.596.945
KBC	678.176	-
KDH	Không bị giảm giá	287.330
MBB	Không bị giảm giá	1.516.329
MWG	23.204	1.589.856
PDR	Không bị giảm giá	139.427
PLX	Không bị giảm giá	846.232
POW	Không bị giảm giá	1.203.784
REE	25.084	765.346
SAB	-	360.280
SSI	Không bị giảm giá	214.901
TPB	Không bị giảm giá	517.745
VCB	Không bị giảm giá	1.208.492
VHM	1.018.296	2.009.243
VIB	Không bị giảm giá	975.812
VNM	1.779.831	-
VIC	-	862.572
VJC	55.733	55.733
VND	Không bị giảm giá	13.570
VRE	981.892	-
	<b>103.382.557</b>	<b>42.263.188</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**VI.1 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**

	Năm 2023 VND'000	Năm 2022 VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	430.297	75.254
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	96.852.543	307.630.532
<b>Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ</b>	<b>97.282.840</b>	<b>307.705.786</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>97.282.840</b>	<b>307.705.786</b>

**VI.2 Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Năm 2023 VND'000	Năm 2022 VND'000
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	53.533.935	132.663.031

**VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND'000	Năm 2022 VND'000
Thu lãi tiền gửi	1.192.332	144.606
Thu lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	88.776.785	69.611.431
	<b>89.969.117</b>	<b>69.756.037</b>

**VI.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2023 VND'000	Năm 2022 VND'000
Lỗ các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	7.527.700
	(22.862.226)	23.648.508
	<b>(22.862.226)</b>	<b>31.176.208</b>

**VI.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND'000	Năm 2022 VND'000
Chi phí nhân viên	32.599.774	32.516.495
Chi phí vật liệu, dụng cụ	164.875	191.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.029	-
Thuế, phí và lệ phí	237.103	332.905
Chi phí thuê văn phòng, quản lý tòa nhà	185.303	727.655
Chi phí tư vấn, kiểm toán	128.400	128.400
Chi phí thuê xe	1.065.947	1.047.059
Chi phí tiếp khách	73.969	87.598
Chi phí khác	1.222.516	1.134.486
	<b>35.683.916</b>	<b>36.166.300</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)**

**VI.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Năm 2023 VND'000	Năm 2022 VND'000
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>120.812.233</b>	<b>177.403.066</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24.006.737	35.572.704
Điều chỉnh trong năm	204.406	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN trong năm</b>	<b>24.211.143</b>	<b>35.572.704</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	4.786.566	14.056.198
Thuế TNDN đã trả trong năm	(25.513.225)	(44.842.336)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>3.484.484</b>	<b>4.786.566</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**VII.1 Lợi nhuận chưa phân phối**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	142.139.343	308.981
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	96.601.090	141.830.362
<b>Tổng cộng</b>	<b>238.740.433</b>	<b>142.139.343</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**VII.2 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND'000</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000</i>	<i>Tổng cộng VND'000</i>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	<b>669.662.910</b>	<b>142.139.343</b>	<b>811.802.253</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	96.601.090	96.601.090
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>669.662.910</b>	<b>238.740.433</b>	<b>908.403.343</b>

**VIII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm 2023 VND'000</i>	<i>Năm 2022 VND'000</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Lãi tiền gửi Chi phí thuê văn phòng	23.143 (185.303)	26.087 (727.655)
Công ty Chứng khoán Kỹ Thương	Cùng chủ sở hữu	Chi phí hoa hồng phân phối chứng chỉ Quỹ	(53.397.920)	(132.267.553)
Ban Tổng Giám đốc		Chi phí lương	(6.596.334)	(10.267.614)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VIII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu, phải trả trọng yếu với các bên liên quan vào ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản phải thu/(phải trả)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000	Phát sinh tăng VND'000	Phát sinh giảm VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.820.979	605.500.031	(604.258.965)	4.062.045
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	Cùng chủ sở hữu	Phải trả phí hoa hồng phân phối chứng chỉ Quỹ Tiền gửi tự doanh	(7.249.288)	(53.397.920)	58.875.127	(1.772.081)
			3.460.135	443.355.435	(443.265.908)	3.549.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## IX. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không phát sinh các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn do Công ty nắm giữ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty không nắm giữ danh mục chứng khoán vốn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IX. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty không có rủi ro về giá hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ, vì vậy công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IX. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ của Công ty theo các nhóm kỳ đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Không kỳ hạn VND'000	Dưới 3 tháng VND'000	Từ 3 - 12 tháng VND'000	Từ 1 - 5 năm VND'000	Trên 5 năm VND'000	Tổng cộng VND'000
<b>Tài sản</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	7.614.804	-	-	-	7.614.804
- Tiền gửi ngân hàng	-	7.614.804	-	-	-	7.614.804
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	165.543.429	308.696.729	422.772.908	-	897.013.066
Tài sản cố định	-	-	-	30.144	-	30.144
Tài sản khác	10.222.986	11.392.938	69.234	49.299	-	21.734.458
<b>Tổng tài sản</b>	<b>10.222.987</b>	<b>184.551.171</b>	<b>308.765.963</b>	<b>422.852.351</b>	-	<b>926.392.472</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Phải trả người bán	-	1.772.081	-	-	-	1.772.081
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	4.214.670	-	-	-	4.214.670
Phải trả người lao động	-	11.638.624	-	-	-	11.638.624
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	248.616	-	-	-	248.616
Phải trả, phải nộp khác	-	115.139	-	-	-	115.139
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	<b>17.989.130</b>	-	-	-	<b>17.989.130</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>10.222.987</b>	<b>166.562.041</b>	<b>308.765.963</b>	<b>422.852.351</b>	-	<b>908.403.342</b>

(\*) Không bao gồm các khoản dự phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**X. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:



Bà Trần Thị Lan  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024